

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

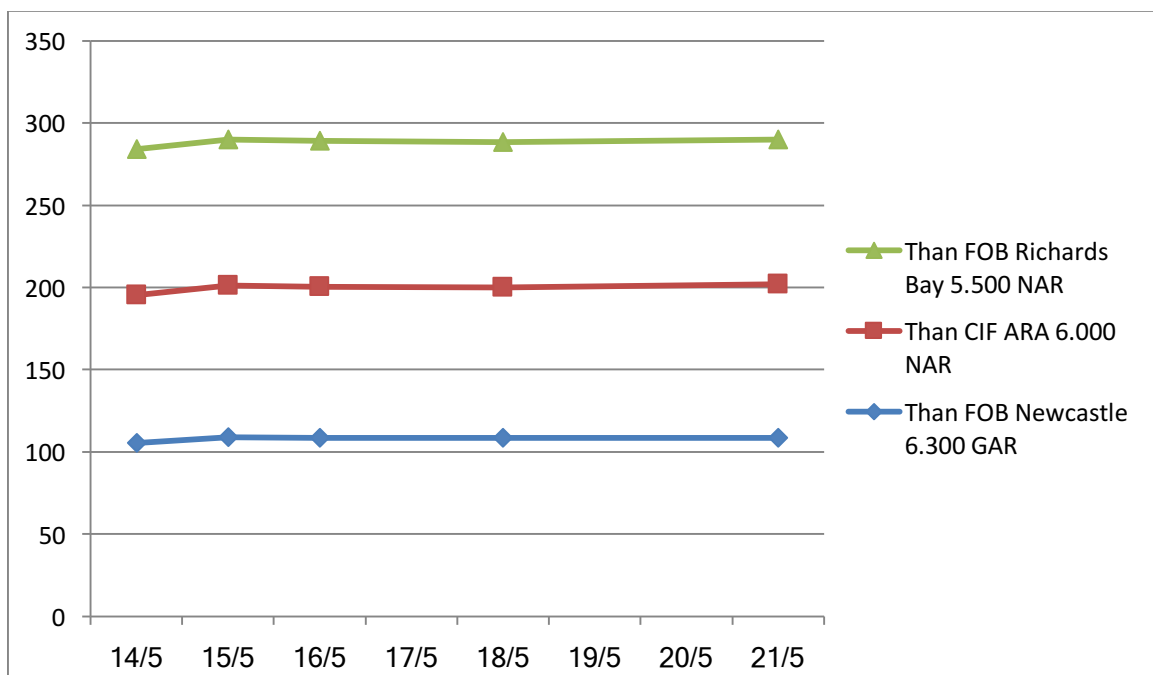
Ngày 23/05/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	108,40	-0,90	107,70	-1,40
CIF ARA 6.000 NAR	93,35	+0,65	91,80	+0,10
FOB Richards Bay 5.500 NAR	88,30	+0,05	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	80,25	+1,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	64,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	54,05	+0,05	343,99	+1,16
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	72,55	+0,05	461,73	+1,45
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	86,80	+0,30	552,43	+3,27

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 21/05/2018)

ĐIỂM TIN

Các nhà máy nhiệt điện Ấn Độ giảm nhập khẩu than trong tháng 4

Trong tháng 4, các nhà máy nhiệt điện Ấn Độ đã nhập khẩu 3,73 triệu tấn than trong tháng 4, tháng đầu tiên của năm tài chính 2018-2019, giảm 23% so với tháng 4 năm trước, theo số liệu của Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ (CEA). Trong tổng lượng than nhập khẩu, 1,43 triệu tấn than được 13 nhà máy phối trộn để sử dụng, trong khi 2,30 triệu tấn còn lại được nhập khẩu bởi 9 nhà máy để sử dụng độc lập. Ngoài ra có 34 nhà máy điện của Ấn Độ không nhập khẩu chuyển hàng than nào trong tháng 4. Nhà máy nhiệt điện Tata's Mundra nhập khẩu với khối lượng than cao nhất trong tháng vừa qua với 509.000 tấn, tiếp theo là các nhà máy nhiệt điện của nhà nước Tamil Nadu Generation và Distribution Corp (Tangedco) với khối lượng 432.000 tấn than. Các nhà máy nhiệt điện đã nhập khẩu 56,41 triệu tấn than nhiệt trong năm tài chính 2017-2018.

Tổng lượng than nhập khẩu trong kho cảng tại Bohai Trung Quốc tăng so với tuần trước

Trong ngày 20/5, tổng lượng than dự trữ trong các kho cảng lớn của biển Bohai là Qinhuangdao, Cafeidian, và Jingtang đạt 15,10 triệu tấn, tăng 2,3% từ con số 14,76 triệu tấn 1 tuần trước đó. Thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng đến việc vận chuyển than ra ngoài tại các cảng biển, điều này khiến lượng than trong kho tăng cao. Lượng than trong kho đạt mức cao nhất tại cảng Jingtang, với 6,07 triệu tấn than trong ngày 20/5, tăng từ con số 5,78 triệu tấn của ngày 14/5. Cảng Qinhuangdao có lượng dự trữ 5,78 triệu tấn, tăng từ con số 5,11 triệu tấn. Cảng Caofeidan có lượng dự trữ 3,85 triệu tấn, giảm từ con số 3,875 triệu tấn của ngày 14/5. Tại các khu vực khác, lượng than dự trữ tại cảng Huanghua, cảng than của tập đoàn Shenhua tại tỉnh miền Bắc Hebei của Trung Quốc đạt 1,54 triệu tấn, tăng từ con số 1,29 triệu tấn của 1 tuần trước đó.

Số lượng tàu chờ làm hàng tại cảng than PWCS tăng lên 10 tàu trong tuần này

Trong ngày 20/5, số lượng tàu chờ làm hàng tại 2 bến than của PWCS, Newcastle, Australia đã tăng lên con số 10 tàu so với 3 tàu từ tuần trước. Số lượng tàu chờ dự đoán sẽ giảm xuống dưới 5 tàu đến cuối tháng 5 và tháng 6. Đã có 1,98 triệu tấn than đã được vận chuyển qua cảng PWCS trong tuần trước, tăng từ con số 82.100 tấn từ 1 tuần trước đó. Tổng lượng than xuất khẩu tính từ đầu tháng đến ngày 20/5 đã đạt 5,48 triệu tấn. Các công ty than dự đoán khối lượng than cập cảng vào tháng 5 sẽ đạt 9,6 triệu tấn và trong tháng 6 đạt 10 triệu tấn. Trong khi đó, khối lượng than vận chuyển bằng đường tàu hỏa đến cảng Newcaslte trong tuần trước đạt 3,28 triệu tấn. Khoảng 1,3 triệu tấn than đã được vận chuyển qua cảng NCIG, Newcastle tuần trước. Trong ngày 20/5, cảng Carrington và cảng Koogarang tại PWCS có tổng lượng than dự trữ trong kho đạt 1,81 triệu tấn, sẵn sàng để xuất khẩu, tăng từ con số 169.416 tấn từ tuần trước. Cảng Gladstone có 11 tàu chờ làm hàng tính đến ngày 21/5, và ngoài ra có thêm 3 tàu chờ làm hàng tại cảng RG Tanna của Queensland.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,25	+0,15
	Queensland	Nhật Bản	10,70	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	11,35	+0,15
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,35	-0,15
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,60	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,35	-0,15
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,05	+0,00
	Úc	Trung Quốc	13,00	+0,00
Úc	Ấn Độ	14,55	+0,00	

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 21/05/2018)